TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11-01-2024
V/v tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Bà Bùi Thúy Mở

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Q, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn 1, xã B, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh T, sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng. Hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Q trình bày:

Ngày 21 tháng 9 năm 2010 Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng đã giải quyết cho chị Q và T được ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 236/2010/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2010. Khi ly hôn chị Q và anh T thống nhất thỏa thuận anh T trực tiếp nuôi hai con chung tên Ksinh ngày 02 tháng 11 năm 2007 và C sinh ngày 28 tháng 3 năm 2009. Về nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn 02 con chung sinh sống cùng với chị Q và bố mẹ đẻ chị Q tại thôn 1, xã Hòa Bình, huyện N, thành phố Hải Phòng từ năm 2010 đến nay. Năm 2022 anh T phạm tội và đang chấp hành án tại Trại giam Quảng Ninh. Nay chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với anh T, chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả hai con chung tên Ksinh ngày 02 tháng 11 năm 2007 và C sinh ngày 28 tháng 3 năm 2009 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 12 năm 2023 bị đơn là anh T trình bày: Năm 2010 Tòa án nhân dân huyện N đã giải quyết cho anh T và chị Q được ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 236 ngày 21 tháng 9 năm 2010. Khi ly hôn anh T trực tiếp nuôi 02 con chung tên Ksinh ngày 02 tháng 11 năm 2007 và C sinh ngày 28 tháng 3 năm 2009. Tháng 01 năm 2023 anh T bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 18 tháng tù về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản. Hiện nay anh T đang chấp hành án tại phân trại số 02 Trại giam Quảng Ninh. Nay chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với anh T, quan điểm của anh T đồng ý giao cả 02 con chung cho chị Q nuôi dưỡng. Hiện nay anh T đang chấp hành án nên không có điều kiện và khả năng cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị Q và bị đơn là anh T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Q, thay đổi người trực tiếp nuôi con từ anh T sang chị Q, chị Q được trực tiếp nuôi hai con chung tên Ksinh ngày 02 tháng 11 năm 2007 và C sinh ngày 28 tháng 3 năm 2009 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động trừ trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Anh T được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Q và bị đơn là anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 và

Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị Q và bị đơn là anh T.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: Chị Q và anh T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 236/2010/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Toà án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng. Khi ly hôn anh T trực tiếp nuôi hai con chung tên Ksinh ngày 02 tháng 11 năm 2007 và C sinh ngày 28 tháng 3 năm 2009 nhưng trên thực tế sau khi ly hôn chị Q là người trực tiếp nuôi hai con chung và hiện nay anh T đang chấp hành hình phạt tù tại phân trại số 02 Trại giam Quảng Ninh. Nay chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả hai con chung tên Ksinh ngày 02 tháng 11 năm 2007 và C sinh ngày 28 tháng 3 năm 2009 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cũng đồng ý giao cả hai con chung tên Ksinh ngày 02 tháng 11 năm 2007 và C sinh ngày 28 tháng 3 năm 2009 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Xét hiện nay chị Q đang trực tiếp nuôi hai con chung là Kvà C, còn anh T đang chấp hành hình phạt tù tại phân trại số 02 Trại giam Quảng Ninh và hai con chung đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là chị Q. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Q, giao hai con chung tên Ksinh ngày 02 tháng 11 năm 2007 và C sinh ngày 28 tháng 3 năm 2009 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự` sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Q, giao 02 con chung tên Ksinh ngày 02 tháng 11 năm 2007 và C sinh ngày 28 tháng 3 năm 2009 cho Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q không yêu cầu anh T cấp

dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị Q số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008785 ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã B, huyện N, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hiền